

Số: 280/TM-BVLC  
V/v mời chào giá các mặt hàng HCXN,  
VTYT, SPCĐ

Lang Chánh, ngày 27 tháng 9 năm 2023

## YÊU CẦU BÁO GIÁ

**Kính gửi:** Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Để có cơ sở cho việc xây dựng giá kế hoạch, Bệnh viện đa khoa Lang Chánh có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu mua sắm VTYT, HCXN, SPCĐ tháng 10 năm 2023 với nội dung cụ thể sau

### I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá.

1. Đơn vị yêu cầu báo giá : Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh, địa chỉ: Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa. (số điện thoại: 02373874006).

2. Thông tin liên hệ người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá : Lê Thị Dung, khoa Dược, Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ mail: dungle181296@gmail.com.

3. Cách thức tiếp nhận báo giá :

Nhận trực tiếp hoặc thư xin gửi về khoa Dược, Bệnh viện đa khoa huyện Lang Chánh, Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá từ 16h30 ngày 27 tháng 9 năm 2023 đến 16h30 ngày 06 tháng 10 năm 2023

Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời gian có hiệu lực báo giá : Tối thiểu 90 ngày kể từ ngày 06 tháng 10 năm 2023

### II. Nội dung yêu cầu báo giá.

1. Danh mục (có danh mục đính kèm)

Địa điểm cung cấp: Bệnh viện Đa khoa huyện Lang Chánh

Địa chỉ: Khu phố Lê Lai, TT Lang Chánh, Huyện Lang Chánh, Tỉnh Thanh Hóa.

2. Thời gian giao hàng dự kiến : 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng

3. Dự kiến về các khoản tạm ứng thanh toán hợp đồng : thanh toán trong vòng 90 ngày kể từ khi nhận đầy đủ hóa đơn, chứng từ

(Đơn giá trong báo giá đã bao gồm thuế GTGT và chi phí vận chuyển)

Rất mong sự hồi đáp của Quý công ty, xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Lưu VT, KD.

GIÁM ĐỐC  
BỆNH VIỆN  
ĐA KHOA  
HUYỆN  
LANG CHÁNH  
TỈNH THANH HÓA  
Ngô Công nghiêm

| STT        | Tên hàng vật tư,<br>HCXN,SPCĐ                                                                | Thông số kỹ thuật và các thông tin liên<br>quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | Số<br>lượng<br>dự<br>kiến | Đơn<br>vị<br>tính |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|-------------------|
| <b>I</b>   | <b>Hóa chất dùng cho máy huyết học SYSMEX - Mode: XP 100</b>                                 |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |                   |
| 1          | Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học                                   | Thành phần:<br>Dodecyltrimethylammonium chloride :3,9 %<br>Dodecan-1-ol,ethoxylated:0,15 %<br>Trometamol: 0.06 %<br>Nước khử ion<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485<br>Quy cách: 500ML                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 1000                      | ml                |
| 2          | Dung dịch pha loãng dùng cho máy phân tích huyết học                                         | THÀNH PHẦN<br>Natri sunfat: 0,3%<br>Natri clorua :0,9%<br>Disodium dihydrogen ethylenediaminetetraacetate:0.1%<br>Imidazole:0,05%<br>Nước khử ion<br>Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485<br>Quy cách: 20L                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 40.000                    | ml                |
| <b>II</b>  | <b>Hóa chất dùng cho máy huyết học Moldel: Humacount 60 ts; 80ts- Hãng SX: Human/Đức</b>     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |                   |
| 3          | Dung dịch pha loãng sử dụng cho các máy huyết học dòng HumaCount                             | Dùng cho máy huyết học Moldel: Humacount 60 ts; 80ts- Hãng SX: Human/Đức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 60.000                    | ml                |
| 4          | Dung dịch phá vỡ hồng cầu dùng cho máy phân tích huyết học dòng HumaCount                    | dùng cho máy huyết học Moldel: Humacount 60 ts; 80ts- Hãng SX: Human/Đức                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1.000                     | ml                |
| <b>III</b> | <b>Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 thông số - Human</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |                           |                   |
| 5          | Test thử dùng cho máy phân tích nước tiểu 13 thông số                                        | Test thử nước tiểu sử dụng cho máy phân tích nước tiểu Combilyzer 13 thông số - Human<br>Đo các thông số theo thứ tự: Bilirubin (0.6%), Urobikinen (0.2%), Ketones (5.7%), Ascorbis acid (0.8%), Glucose, Protein(0.1%), Blood, pH, Nitrite, Leu, Specific gravity, Creatinine (4.8%), Microalbumin (2.2%)<br>Que thử không chuyển sang màu sau khi hoàn tất xét nghiệm<br>Không lan màu trong khoảng pH và tỷ trọng nước tiểu<br>Màu khác nhau theo tùy thông số.<br>Đọc kết quả nhanh bằng mắt thường hoặc bằng máy | 1.500                     | test              |





| STT | Tên hàng vật tư,<br>HCXN,SPCĐ                                     | Thông số kỹ thuật và các thông tin liên<br>quan về kỹ thuật                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Số<br>lượng<br>dự<br>kiến | Đơn vị<br>tính |
|-----|-------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|----------------|
| IV  | <b>Hóa chất dùng cho máy sinh hóa AU480 Hãng: Berkman conlter</b> |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |                           |                |
| 6   | Hóa chất định lượng GPT<br>(ALT)                                  | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Alanine Aminotransferase ALT/GPT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.6 - 800 U/L . Thành phần:<br>A. Thuốc thử : Đệm Tris 150 mmol/L, L-alanin 750 mmol/L, lactat dehydrogenase > 1350 U/L, pH 7,3.<br>B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.                                                                                                             | 500                       | ml             |
| 7   | Hóa chất định lượng GOT(AST)                                      | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Aspartate Aminotransferase AST/GOT mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: IFCC. Dải đo: 1.67 - 800 U/L. Thành phần:<br>A. Thuốc thử : Đệm Tris 121 mmol/L, L-aspartat 362 mmol/L, malat dehydrogenase > 460 U/L, lactat dehydrogenase > 660 U/L, pH 7,8.<br>B. Thuốc thử : NADH 1,9 mmol/L, 2-oxoglutarat 75 mmol/L, natri hydroxid 148 mmol/L, natri azid 9,5 g/L.                                                                           | 500                       | ml             |
| 8   | Hóa chất định lượng HDL                                           | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng Cholesterol HDL Direct mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người.. Phương pháp đo: Detergent. Dải đo: 0.01 - 5.18 mmol/L. Thành phần:<br>A. Thuốc thử: 1 x 60 mL, chứa: đệm Good, cholesterol oxidase < 1 U/mL; peroxidase < 1 U/mL; N,N-bis(4-sulfobutyl)-m-toluidin (DSBmT) 1 mmol/L; chất gia tốc 1 mmol/L .<br>B. Thuốc thử: 1 x 20 mL, chứa: đệm Good, cholesterol esterase < 1,5 U/mL; 4-aminoantipyrin 1 mmol/L; ascorbat oxidase < 3,0 KU/L; chất tẩy rửa. | 80                        | ml             |
| 9   | Hóa chất định lượng CRP                                           | Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng C-Reactive Protein (CRP) mẫu huyết thanh người.. Phương pháp đo Latex, đo độ đục. Dải đo: 1 - 150 mg/L. Thành phần:<br>Thuốc thử A: Đệm Glycin 0,1 mol/L, natri azid 0,95 g/L, pH 8,6.<br>Thuốc thử B: Hỗn dịch chứa các hạt Latex được phủ kháng thể kháng CRP người, natri azid 0,95 g/L                                                                                                                                                                      | 200                       | ml             |